

DANH SÁCH

Người hướng dẫn thực hành KCB tại TTYT phong Thổ

(Kèm theo Bản công bố số: /CB-TTYT, ngày tháng 10 năm 2025)

I. Đối với chức danh bác sĩ phạm vi hành nghề chuyên khoa

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
1	Đồng Xuân Linh	Bác sĩ CK I Ngoại khoa	Chuyên khoa Ngoại.	000024/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
2	Lưu Hữu Thuần	BSCKI Truyền nhiễm	Chuyên khoa Truyền nhiễm,	001614/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Chuyên khoa truyền nhiễm. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, điều trị các bệnh viêm gan virus. Siêu âm
3	Dì A Sủng	Bác sĩ CKI Nhi	Chuyên khoa Nhi.	0001702/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa I Nhi. Điện tim
4	Vũ Xuân Tinh	Bác sĩ CKI RHM	Chuyên khoa Răng-Hàm-Mặt	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt. Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
5	Nguyễn Đình Thảo	Bác sĩ CKI Gây mê	Chuyên khoa gây mê hồi sức	0001085/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa gây mê hồi sức. Siêu âm tổng quát. Điện tâm đồ. Nội soi tai mũi họng
6	Lý Rèn Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Chuyên khoa Sản phụ khoa.	0001976/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản .Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
7	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Sản	Chuyên khoa sản phụ khoa	001594/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa. Phẫu thuật viên Sản. Điện tim
8	Tổng Văn Chiên	Bác sĩ CKI Ngoại	Chuyên khoa Ngoại khoa.	0002037/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; BSCKI Chuyên khoa Ngoại , phẫu thuật Ngoại. Siêu tổng quát. Phẫu thuật nội soi ổ bụng

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
9	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Chuyên khoa Y học cổ truyền	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa Y học cổ truyền. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim
10	Vàng Thị Lê	Bác sĩ CKI Nội	Chuyên khoa Nội.	001498/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa BSCKI Nội . Siêu âm tổng quát. Siêu âm Sản. X-quang tim phổi. Điện tim

II. Đối với chức danh Bác sĩ Y khoa

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
1	Dương Văn Quân	BSĐK	Bác sỹ Y khoa	0002601/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
2	Đồng Xuân Linh	Bác sĩ CKI	Bác sỹ Y khoa	000024/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
3	Lưu Hữu Thuận	BSCKI Truyền nhiễm	Bác sỹ Y khoa	001614/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Chuyên khoa truyền nhiễm. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, điều trị các bệnh viêm gan virus. Siêu âm
4	Lê Đức Toán	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0001009/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội, RHM .Siêu âm, Điện tim
5	Sìn Thị Thơm	Bác sĩ Y khoa	Bác sỹ Y khoa	000275/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim
6	Vàng Thị Lê	Bác sĩ CKI Nội	Bác sỹ Y khoa	001498/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa BSCKI Nội . Siêu âm tổng quát. Siêu âm Sản. X-quang tim phổi. Điện tim
7	Dì A Sùng	Bác sĩ CKI Nhi	Bác sỹ Y khoa	0001702/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa I Nhi. Điện tim

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
8	Vũ Văn Tuấn	Bác sĩ Y khoa	Bác sỹ Y khoa	000124/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Siêu âm Doppler tim. Điện tim
9	Vũ Xuân Tình	Bác sĩ CKI RHM	Bác sỹ Y khoa	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt. Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
10	Trần Thành Long	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	001694/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. CK định hướng TMH. Nội soi TMH. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
11	Nguyễn Thùy Linh	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002746/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi Tai mũi họng. khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
12	Mai Tuấn Hải	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002047/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa . CK định hướng mắt. Khám điều trị các bệnh về mắt, tật khúc xạ. Điện tim
13	Trần Xuân Bền	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002107/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi tiêu hóa. Nội soi đại tràng. Đo mật độ loãng xương
14	Hoàng Văn Long	Bác sĩ Y khoa	Bác sỹ Y khoa	000006/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa
15	Lê Văn Tám	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0001027/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Hồi sức cấp cứu. Nội soi đường tiêu hóa. Siêu âm Doppler tim cơ bản. Siêu âm Sản khoa
16	Đỗ Đình Dũng	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002736/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu nhi khoa. Siêu âm tổng quát. Xét nghiệm cơ bản
17	Vân Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	002229/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Điện tim
18	Nguyễn Đình Thảo	Bác sĩ CKI Gây mê	Bác sỹ Y khoa	0001085/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa gây mê hồi sức. Siêu âm tổng quát. Điện tâm đồ. Nội soi tai mũi họng
19	Nguyễn Anh Tiến	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	000/2738/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Gây mê hồi sức. Cấp cứu bỏng. Nội soi tiêu hóa
20	Giàng A Sèng	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	002595/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
21	Phàng A Sài	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	002661/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
22	Lý Rèn Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Bác sỹ Y khoa	0001976/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
					.Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
23	Nguyễn Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0001073/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa , Phụ khoa. Điện tim
24	Trần Thị Thu Hoài	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa ,Phụ khoa
25	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Bác sỹ Y khoa	001594/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa. Phẫu thuật viên Sản. Điện tim
26	Tổng Văn Chiên	Bác sĩ CKI Ngoại	Bác sỹ Y khoa	0002037/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; BSCKI Chuyên khoa Ngoại , phẫu thuật Ngoại. Siêu tổng quát. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
27	Trần Văn Đức	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002112/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
28	Bùi Trọng Quý	Bác sĩ Y khoa	Bác sỹ Y khoa	000007/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
29	Giàng A Mè	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	000160/LCH-GPHĐ	Phạm vi hành nghề Y khoa
30	Đào Thị Hồng Thắm	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0001053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội , nhi.Thực hiện DMKT YHCT. Điện tim
31	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Bác sỹ Y khoa	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim
32	Giàng A Thông	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	002621/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Phục hồi chức năng
33	Nghiêm Xuân Dũng	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	001615/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
34	Nguyễn Hữu Trang	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002733/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Xquang
35	Dương Thị Thúy Nga	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	001534/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bác sĩ khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, khám điều trị bệnh nhân Lao. Điện tim

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
36	Phạm Thị Thom	Bác sĩ Y khoa	Bác sỹ Y khoa	000125/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim

II. Đối với chức danh Bác sĩ Y học cổ truyền

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
1	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Bác sỹ YHCT	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim

III. Đối với chức danh Bác sĩ Y học dự phòng

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
1	Dương Văn Quân	BSĐK	Bác sĩ Y học dự phòng	0002601/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
2	Đồng Xuân Linh	Bác sĩ CKI	Bác sĩ Y học dự phòng	000024/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
3	Lưu Hữu Thuận	BSCKI Truyền nhiễm	Bác sĩ Y học dự phòng	001614/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Chuyên khoa truyền nhiễm. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, điều trị các bệnh viêm gan virus. Siêu âm
4	Lê Đức Toán	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0001009/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội, RHM .Siêu âm, Điện tim
5	Sìn Thị Thom	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000275/LC H-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim
6	Vàng Thị Lê	Bác sĩ CKI	Bác sĩ Y học dự	001498/LC	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa BSCKI Nội . Siêu

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
		Nội	phòng	H-CCHN	âm tổng quát. Siêu âm Sản. X-quang tim phổi. Điện tim
7	Dì A Sủng	Bác sĩ CKI Nhi	Bác sĩ Y học dự phòng	0001702/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa I Nhi. Điện tim
8	Vũ Văn Tuấn	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000124/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Siêu âm Doppler tim. Điện tim
9	Vũ Xuân Tình	Bác sĩ CKI RHM	Bác sĩ Y học dự phòng	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt. Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
10	Trần Thành Long	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	001694/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. CK định hướng TMH. Nội soi TMH. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
11	Nguyễn Thùy Linh	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002746/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi Tai mũi họng. khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
12	Mai Tuấn Hải	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002047/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa . CK định hướng mắt. Khám điều trị các bệnh về mắt, tật khúc xạ. Điện tim
13	Trần Xuân Bền	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002107/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi tiêu hóa. Nội soi đại tràng. Đo mật độ loãng xương
14	Hoàng Văn Long	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000006/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa
15	Lê Văn Tám	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0001027/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Hồi sức cấp cứu. Nội soi đường tiêu hóa. Siêu âm Doppler tim cơ bản. Siêu âm Sản khoa
16	Đỗ Đình Dũng	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002736/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu nhi khoa. Siêu âm tổng quát. Xét nghiệm cơ bản
17	Vân Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	002229/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Điện tim
18	Nguyễn Đình Thảo	Bác sĩ CKI Gây mê	Bác sĩ Y học dự phòng	0001085/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa gây mê hồi sức. Siêu âm tổng quát. Điện tâm đồ. Nội soi tai mũi họng
19	Nguyễn Anh Tiến	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000/2738/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Gây mê hồi sức. Cấp cứu bỏng. Nội soi tiêu hóa

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
20	Giàng A Sèng	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	002595/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
21	Phàng A Sài	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	002661/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
22	Lý Rền Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Bác sĩ Y học dự phòng	0001976/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản .Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
23	Nguyễn Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0001073/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa , Phụ khoa. Điện tim
24	Trần Thị Thu Hoài	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002053/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa ,Phụ khoa
25	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Bác sĩ Y học dự phòng	001594/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa. Phẫu thuật viên Sản. Điện tim
26	Tổng Văn Chiên	Bác sĩ CKI Ngoại	Bác sĩ Y học dự phòng	0002037/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; BSCKI Chuyên khoa Ngoại , phẫu thuật Ngoại. Siêu tổng quát. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
27	Trần Văn Đức	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002112/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
28	Bùi Trọng Quý	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000007/LC H-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
29	Giàng A Mè	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000160/LC H-GPHĐ	Phạm vi hành nghề Y khoa
30	Đào Thị Hồng Thắm	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0001053/L CH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội , nhi. Thực hiện DMKT YHCT. Điện tim
31	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Bác sĩ Y học dự phòng	002230/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
32	Giàng A Thông	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	002621/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Phục hồi chức năng
33	Nghiêm Xuân Dũng	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	001615/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
34	Nguyễn Hữu Trang	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	0002733/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Xquang
35	Dương Thị Thúy Nga	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	001534/LC H-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.. Bác sĩ khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, khám điều trị bệnh nhân Lao. Điện tim
36	Phạm Thị Thơm	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	000125/LC H-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim

III. Bác sỹ Y học cổ truyền

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
11	Đông Xuân Linh	Bác sĩ CK I Ngoại khoa	Bác sỹ Y học cổ truyền	000024/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
12	Lưu Hữu Thuận	BSCKI Truyền nhiễm	Bác sỹ Y học cổ truyền	001614/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Chuyên khoa truyền nhiễm. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, điều trị các bệnh viêm gan virus. Siêu âm
13	Dì A Sủng	Bác sĩ CKI Nhi	Bác sỹ Y học cổ truyền	0001702/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa I Nhi. Điện tim
14	Vũ Xuân Tình	Bác sĩ CKI RHM	Bác sỹ Y học cổ truyền	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt.Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
15	Nguyễn Đình Thảo	Bác sĩ CKI Gây mê	Bác sỹ Y học cổ truyền	0001085/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa gây mê hồi sức. Siêu âm tổng quát. Điện tâm đồ. Nội soi tai mũi họng

STT	Họ và tên	Chức danh CM	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
16	Lý Rền Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Bác sỹ Y học cổ truyền	0001976/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản .Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
17	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Sản	Bác sỹ Y học cổ truyền	001594/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa. Phẫu thuật viên Sản. Điện tim
18	Tổng Văn Chiên	Bác sĩ CKI Ngoại	Bác sỹ Y học cổ truyền	0002037/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; BSCKI Chuyên khoa Ngoại , phẫu thuật Ngoại. Siêu tổng quát. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
19	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Bác sỹ Y học cổ truyền	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa Y học cổ truyền. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim
20	Vàng Thị Lê	Bác sĩ CKI Nội	Bác sỹ Y học cổ truyền	001498/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa BSCKI Nội . Siêu âm tổng quát. Siêu âm Sản. X-quang tim phổi. Điện tim
21	Đào Thị Hồng Thắm	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y học cổ truyền	0001053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội , nhi. Thực hiện DMKT YHCT. Điện tim

IV. Đối với chức danh Y sỹ đa khoa

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
1	Dương Văn Quân	BSĐK	Y sỹ Y khoa	0002601/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
2	Đồng Xuân Linh	Bác sĩ CKI	Y sỹ Y khoa	000024/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
3	Lưu Hữu	BSCKI Truyền	Y sỹ Y khoa	001614/LCH-	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Chuyên khoa truyền nhiễm.

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
	Thuần	nhiệm		CCHN	Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, điều trị các bệnh viêm gan virus. Siêu âm
4	Lê Đức Toán	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0001009/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội, RHM .Siêu âm, Điện tim
5	Sìn Thị Thơm	Bác sĩ Y khoa	Ysỹ Y khoa	000275/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim
6	Vàng Thị Lê	Bác sĩ CKI Nội	Ysỹ Y khoa	001498/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa BSCKI Nội . Siêu âm tổng quát. Siêu âm Sản. X-quang tim phổi. Điện tim
7	Dì A Sủng	Bác sĩ CKI Nhi	Ysỹ Y khoa	0001702/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa I Nhi. Điện tim
8	Vũ Văn Tuấn	Bác sĩ Y khoa	Ysỹ Y khoa	000124/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Siêu âm Doppler tim. Điện tim
9	Vũ Xuân Tình	Bác sĩ CKI RHM	Ysỹ Y khoa	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt.Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
10	Trần Thành Long	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	001694/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. CK định hướng TMH. Nội soi TMH. Khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
11	Nguyễn Thùy Linh	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002746/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi Tai mũi họng. khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS
12	Mai Tuấn Hải	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002047/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa . CK định hướng mắt. Khám điều trị các bệnh về mắt, tật khúc xạ. Điện tim
13	Trần Xuân Bền	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002107/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Nội soi tiêu hóa. Nội soi đại tràng. Đo mật độ loãng xương
14	Hoàng Văn Long	Bác sĩ Y khoa	Ysỹ Y khoa	000006/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa
15	Lê Văn Tám	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0001027/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Hồi sức cấp cứu. Nội soi đường tiêu hóa. Siêu âm Doppler tim cơ bản. Siêu âm Sản khoa
16	Đỗ Đình Dũng	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002736/LCH-	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu nhi khoa. Siêu âm tổng quát.

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
				CCHN	Xét nghiệm cơ bản
17	Vân Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	002229/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.Điện tim
18	Nguyễn Đình Thảo	Bác sĩ CKI Gây mê	Ysỹ Y khoa	0001085/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa gây mê hồi sức .Siêu âm tổng quát. Điện tâm đồ. Nội soi tai mũi họng
19	Nguyễn Anh Tiến	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	000/2738/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.Gây mê hồi sức. Cấp cứu bỏng. Nội soi tiêu hóa
20	Giàng A Sèng	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	002595/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
21	Phàng A Sài	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	002661/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
22	Lý Rèn Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Ysỹ Y khoa	0001976/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản .Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
23	Nguyễn Thị Nguyệt	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0001073/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa , Phụ khoa. Điện tim
24	Trần Thị Thu Hoài	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Cấp cứu, phẫu thuật cơ bản trong sản khoa ,Phụ khoa
25	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Ysỹ Y khoa	001594/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa. Phẫu thuật viên Sản. Điện tim
26	Tổng Văn Chiên	Bác sĩ CKI Ngoại	Ysỹ Y khoa	0002037/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; BSCKI Chuyên khoaNgoại , phẫu thuật Ngoại. Siêu tổng quát. Phẫu thuật nội soi ổ bụng
27	Trần Văn Đức	Bác sĩ đa khoa	Ysỹ Y khoa	0002112/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
28	Bùi Trọng Quý	Bác sĩ Y khoa	Ysỹ Y khoa	000007/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa. Phẫu thuật nội soi ổ bụng

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số CCHN	Phạm vi hành nghề
29	Giàng A Mè	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	000160/LCH-GPHĐ	Phạm vi hành nghề Y khoa
30	Đào Thị Hồng Thắm	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	0001053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội , nhi. Thực hiện DMKT YHCT. Điện tim
31	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Y sĩ Y khoa	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Y học cổ truyền, thực hiện DMKT khoa YHCT. Điện tim
32	Giàng A Thông	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	002621/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Phục hồi chức năng
33	Nghiêm Xuân Dũng	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	001615/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
34	Nguyễn Hữu Trang	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	0002733/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Xquang
35	Dương Thị Thúy Nga	Bác sĩ đa khoa	Y sĩ Y khoa	001534/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Bác sĩ khám điều trị bệnh nhân HIV/AIDS, khám điều trị bệnh nhân Lao. Điện tim
36	Phạm Thị Thơm	Bác sĩ Y khoa	Y sĩ Y khoa	000125/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim

V. Đối với chức danh Y sĩ Y học cổ truyền

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Nguyễn Duy Phi	Bác sĩ CKI YHCT	Y sĩ YHCT	002230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa Y học cổ truyền
2	Đào Thị Hồng Thắm	Bác sĩ Y khoa	Y sĩ YHCT	0001053/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội , nhi. Thực hiện DMKT YHCT. Điện tim
3	Đình Công Thọ	Y sĩ YHCT	Y sĩ YHCT	0002758/LCH-CCHN	Y sĩ khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT

VI. Đối với chức danh điều dưỡng

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Nguyễn Đình Liệu	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000268/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
2	Đỗ Thị Thu Trang	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000997/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
3	Nguyễn Thị Ngân	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001046/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
4	Nguyễn Thị Tích	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002049/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
5	Nguyễn Thị Quỳnh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001032/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
6	Nguyễn Thị Giang	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001058/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng .Cấp cứu nhi cơ bản
7	Nguyễn Thị Phương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001052/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
8	Trần Thị Hồng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001008/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. Hồi sức cấp cứu nhi. Sử dụng máy thở CPAP.
9	Màng Thị Oanh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000270/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
10	Nguyễn Khánh Linh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002597/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
11	Lê Thị Dung	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001001/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
12	Nguyễn Thị Hậu	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001012/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. Trợ giúp nội soi ống mềm đường tiêu hóa. Điều dưỡng chuyên khoa mắt
13	Phạm Thị Yên	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002282/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng.

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
14	Trần Thị Thủy	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002760/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
15	Đào Duy Tân	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001074/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng; KTV Chẩn đoán hình ảnh
16	Tòng Thị Minh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000308/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
17	Hoàng Thị Lan	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001040/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. Phụ nội soi và khử khuẩn tiết huẩn dụng cụ nội soi
18	Đặng Văn Mạnh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001038/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. KTV Chẩn đoán hình ảnh
19	Bùi Văn Oanh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001002/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. Tis dụng cụ phẫu thuật. KTV phụ mê
20	Nguyễn Thị Loan	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000980/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng. KTV phụ mê
21	Nông Thị Minh Huệ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002045/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
22	Dì Thị Màu	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002038/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
23	Nguyễn Thanh Hải	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001047/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng .Tis dụng cụ phẫu thuật. Tis dụng cụ phẫu thuật Nội Soi
24	Nguyễn Thị Phụng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001011/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
25	Lò Văn Quỳnh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001983/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
26	Bùi Thị Xuân Hương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002055/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
27	Nguyễn Văn Trường	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002771/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng.Hồi sức sơ sinh và

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
					chăm sóc thiết yếu
28	Lê Đức Tường	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001077/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng.Phục hồi chức năng
29	Hà Mai Phương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000269/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
30	Trần Thị Lan	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001079/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng .Phục hồi chức năng
31	Nguyễn Bá Lương	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001028/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
32	Bàn Văn Hoàng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0002193/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
33	Nguyễn Thị Bắc	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000996/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
34	Phạm Thị Thủy	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001041/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
35	Nguyễn Thị Hoa	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001059/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
36	Phạm Thị Dung	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000266/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
37	Đinh Văn Bình	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0001997/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
38	Vũ Thị Thanh	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000267/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
39	Lò Văn Hòa	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002227/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng
40	Nguyễn Luật	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000273/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng

ST T	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
41	Nguyễn Thị Thảo	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001000/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng

VII. Đối với chức danh Hộ sinh

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Lý Rền Pao	Bác sĩ CKI Phụ Sản	Hộ sinh	0001976/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCK I sản. Phẫu thuật viên Sản .Siêu âm cơ bản. Soi chẩn đoán tổn thương cổ tử cung. điều trị áp lạnh và Loop điện. Phẫu thuật Nội soi cơ bản trong sản phụ khoa. Điện tim
2	Ma A Thắng	Bác sĩ CKI Sản	Hộ sinh	001594/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và chuyên khoa sản phụ khoa
3	Trần Thị Tươi	Hộ sinh	Hộ sinh	0001076/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
4	Nguyễn Thị Liên	Hộ sinh	Hộ sinh	0001057/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
5	Nông Thị Hạnh	Hộ sinh	Hộ sinh	0001015/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh .Tis dụng cụ phẫu thuật. Tis dụng cụ phẫu thuật Nội Soi
6	Đặng Thu Hiền	Hộ sinh	Hộ sinh	0001006/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
7	Khoàng Thị Phiêng	Hộ sinh	Hộ sinh	000982/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
8	Chu Thị Kiều Nga	Hộ sinh	Hộ sinh	0002005/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
9	Hải Lý	Hộ sinh	Hộ sinh	0001007/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
10	Đinh Thị Thúy Hằng	Hộ sinh	Hộ sinh	0002034/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
11	Phùng Thị Lan	Hộ sinh	Hộ sinh	0001062/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
12	Mai Thùy Dương	Hộ sinh	Hộ sinh	0002056/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh
13	Bùi Thị Oanh	Hộ sinh	Hộ sinh	000983/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Hộ sinh

VIII. Đối với chức danh kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Đồng Xuân Linh	Bác sĩ CK I Ngoại khoa	Kỹ thuật hình ảnh y học	000024/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. BSCKI Ngoại. Phẫu thuật viên, chẩn đoán hình ảnh, Siêu âm tổng quát, Nội soi đường tiêu hóa, Điện tim
2	Phạm Thị Thom	Bác sĩ Y khoa	Kỹ thuật hình ảnh y học	000125/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Điện tim
3	Vũ Văn Tuấn	Bác sĩ Y khoa	Kỹ thuật hình ảnh y học	000124/LCH-GPHN	Phạm vi hành nghề Y khoa, Chẩn đoán hình ảnh. Siêu âm Doppler tim. Điện tim
4	Nguyễn Hữu Trang	Bác sĩ đa khoa	Bác sỹ Y khoa	0002733/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Xquang

IX. Đối với chức danh Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Nguyễn Anh Tuấn	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0001051/LCH-CCHN	KTV chuyên khoa xét nghiệm.
2	Mai Thu Hoài	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0001048/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm.

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
3	Lê Thị Xuyến	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0001049/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm.
4	Hoàng Văn Luân	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0002051/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm.
5	Nguyễn Hà Châu	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0002042/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm.
6	Nguyễn Anh Tuấn	Kỹ thuật viên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	0001051/LCH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm.

X. Đối với chức danh Kỹ thuật Phục hồi chức năng

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Giàng A Thông	Bác sĩ đa khoa	Kỹ thuật PHCN	002621/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Phục hồi chức năng
2	Trần Thị Lan	Điều dưỡng	Kỹ thuật PHCN	0001079/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng.Phục hồi chức năng
3	Lê Đức Tường	Điều dưỡng	Kỹ thuật PHCN	0001077/LCH-CCHN	Phạm vi hành nghề Điều dưỡng.Phục hồi chức năng

XI. Đối với chức danh Kỹ thuật Phục hình răng

STT	Họ và tên	Chức danh chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề
1	Vũ Xuân Tình	Bác sĩ CKI RHM	Kỹ thuật Phục hình răng	0001230/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. Chuyên khoa I Răng-Hàm-Mặt.Phẫu thuật viên răng hàm mặt. Điện tim
2	Lê Đức Toán	Bác sĩ đa khoa	Kỹ thuật Phục hình răng	0001009/LCH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hệ nội, RHM .Siêu âm, Điện tim

